

# Tự chủ mở mới chương trình đào tạo tại các trường đại học công lập: thực trạng và giải pháp

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**B**ài viết bàn về vấn đề mà theo tác giả thì tự chủ trường đại học là xu thế tất yếu ngày nay và là một trong những điều kiện cần thiết để thực hiện các phương thức quản trị đại học tiên tiến nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Sau khi phân tích thực trạng mở mới mã ngành, chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đào tạo công lập (cơ sở pháp lý; kết quả mở mới chương trình tại các cơ sở giáo dục đào tạo đại học; thảo luận, đánh giá thành tựu, hạn chế của hoạt động mở mới mã ngành đối với các đơn vị công tự chủ) tác giả đã đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp cho tự chủ trường đại học ở Việt Nam.

**Từ khóa:** giáo dục đại học, tự chủ, chương trình học, mã ngành.

## 1. Giới thiệu

Tự chủ là một trong những xu hướng phát triển thiết yếu trong giáo dục đại học. Trong tương lai không xa, tất cả các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam sẽ được chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang cơ chế tự chủ, với quyền lợi lớn hơn, đi kèm với trách nhiệm tương ứng. Để chuẩn bị cho bước phát triển này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP về việc thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017 về thí điểm tự chủ đại học tại một số đơn vị giáo dục trên địa bàn toàn quốc. Sau 4 năm thí điểm, những kết quả bước đầu cho thấy những thành tựu to lớn mà tự chủ đại học mang lại, đặc biệt trong công tác chủ động mở mới, tạm dừng, thay đổi mã ngành và chương trình đào tạo. Việc nhà trường được trao quyền tự chủ trong hoạt động này giúp tăng trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục, gắn liền đào tạo với nhu cầu thị trường, nâng cao chất lượng giảng dạy. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn không ít thách thức đặt ra, như việc mở ngành ở ạt dẫn tới chồng chéo, không đáp ứng đủ cơ sở vật chất. Do đó, tác giả thực hiện nghiên cứu này nhằm làm rõ hơn thực trạng mở mới mã ngành tại các trường đại học công lập Việt Nam, xác định những thành tựu và hạn chế để từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng

cao chất lượng mở mới mã ngành, chương trình nói riêng và chất lượng đào tạo nói chung trong bối cảnh tự chủ toàn bộ của các trường đại học trong tương lai.

## 2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan tài liệu nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận về mở mới chương trình đào tạo, mã ngành đào tạo tại các trường đại học tự chủ

Chương trình đào tạo là "Văn bản chính thức quy định mục đích, mục tiêu, yêu cầu, nội dung kiến thức và kỹ năng, cấu trúc tổng thể các bộ môn, kế hoạch lên lớp và thực tập theo từng năm học, tỷ lệ giữa các bộ môn, giữa lý thuyết và thực hành, quy định phương thức, phương pháp, phương tiện, cơ sở vật chất, chứng chỉ và văn bằng tốt nghiệp của cơ sở giáo dục và đào tạo" (Bùi Hiến, 2011). Trong khi đó, Wentling (1993) cho rằng: "Chương trình đào tạo (program of training) là một bản thiết kế tổng thể cho một hoạt động đào tạo (khóa đào tạo) cho biết toàn bộ nội dung cần đào tạo, chỉ rõ những gì có thể trông đợi ở người học sau khóa đào tạo, phác thảo ra quy trình cần thiết để thực hiện nội dung đào tạo, các phương pháp đào tạo và

---

Nguyễn Thị Hương, Trường đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và tất cả những cái đó được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ". Do đó, chương trình đào tạo không chỉ bó hẹp trong phạm vi thể hiện nội dung đào tạo mà còn là một văn bản trình bày tổng thể quá trình đào tạo nhằm đạt mục tiêu đào tạo đã đề ra.

"Mã ngành đào tạo", theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học là "chuỗi số liên tục gồm bảy chữ số, trong đó từ trái sang phải được quy định như sau: chữ số đầu tiên quy định mã trình độ đào tạo; hai chữ số thứ hai và thứ ba quy định mã lĩnh vực đào tạo; hai chữ số thứ tư và thứ năm quy định mã nhóm ngành đào tạo; hai chữ số cuối quy định mã ngành đào tạo" (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017). Ví dụ: mã ngành "7140114", trong đó: chữ số "7" đầu tiên quy định mã trình độ đào tạo: Đại học, hai chữ số "14" quy định mã lĩnh vực đào tạo: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, hai chữ số tiếp theo "01" quy định mã nhóm ngành đào tạo: Khoa học giáo dục và hai chữ số cuối "14" quy định mã ngành đào tạo: Quản lý giáo dục.

Về "tự chủ đại học", Phạm Đỗ Nhật Tiến (1997) đưa ra định nghĩa về tự chủ đại học như sau: "Tự chủ là mức độ tự quản mà cơ sở giáo dục đại học cần có để ra quyết định hữu hiệu về công tác chuyên môn, các chuẩn mực, nhiệm vụ quản lý và các hoạt động liên quan, nhất quán với các hệ thống giải trình công, đặc biệt là giải trình về ngân sách nhà nước, về sự tôn trọng quyền tự do học thuật và quyền con người. Tuy nhiên, bản chất về quyền tự chủ nhà trường có thể thay đổi tùy theo loại hình nhà trường". Để làm rõ hơn khái niệm trên, Hiệp hội quốc tế các đại học (IAU) nêu ra rằng: "Nguyên tắc về tự chủ đại học có thể được hiểu là mức độ độc lập cần thiết đối với sự can thiệp bên ngoài mà trường đại học cần có trong tổ chức và quản trị nội bộ, trong phân bổ nội bộ các nguồn lực tài chính và huy động thu nhập từ các nguồn ngoài ngân sách, trong tuyển dụng giảng viên, trong quy định các điều kiện học tập và

cuối cùng, trong việc tự do giảng dạy và nghiên cứu". Như vậy, có thể tổng kết rằng: tự chủ đại học là hoạt động giao quyền tự quyết định cho các cơ sở đào tạo giáo dục đại học trong một số lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

### ***2.2. Một số nghiên cứu đã được thực hiện về mở mới chương trình đào tạo, mã ngành đào tạo tại các trường đại học tự chủ***

Tự chủ đại học, đặc biệt là tự chủ mở mã ngành, chương trình đào tạo là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Xuất phát từ kinh nghiệm thực tiễn, Vũ Hải Quân (2018) cho rằng việc thiếu tự chủ trong mở mới ngành, mã ngành, chương trình đào tạo khiến các trường gặp nhiều khó khăn trong việc giữ chân và tạo định hướng đúng đắn cho sinh viên. Thực trạng đang diễn ra cho thấy số lượng sinh viên đã thôi học hoặc bị buộc cho thôi học lên đến hàng nghìn sinh viên mỗi năm. Lý do dẫn đến thực trạng nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó nguyên nhân chính là việc định hướng, lựa chọn ngành nghề chưa đúng đắn. Những quy định liên quan đến việc xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành, nghề có phần hà khắc, chưa được thông thoáng làm cho các trường đại học gặp rất nhiều khó khăn trong việc đào tạo sinh viên phù hợp với nhu cầu lao động của xã hội, làm cản trở sự phát triển của đất nước.

Việc tự chủ trong mở mã ngành vì thế được nhiều nhà nghiên cứu kỳ vọng làm thay đổi bộ mặt giáo dục Việt Nam. Vũ Hải Quân (2018) cho rằng, những quy định về mức thu học phí dành cho sinh viên đang là bất hợp lý, dẫn đến hệ quả là một số trường đại học đang bị bó buộc bởi những hạn chế đó rồi từ đó phải phát triển nhiều loại hình đào tạo khác nhau như là chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình đào tạo cử nhân tài năng... Trong khi một số trường đang gặp phải vướng mắc đó thì một số trường đại học khác

đã linh hoạt, chủ động nguồn thu tài chính để tự tháo gỡ khó khăn cho chính mình và trở thành hình mẫu phát triển cho toàn bộ hệ thống giáo dục Việt Nam. Đồng thời, bài viết cũng đề cập đến vấn đề là các trường đại học hiện nay cần phải tập trung nâng cao chất lượng chương trình giáo dục một cách xuyên suốt và thống nhất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cùng sự hiểu biết toàn diện về xã hội cho sinh viên, đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo, thúc đẩy định hướng tinh thần học tập suốt đời và phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo trong giáo dục. Đồng quan điểm, Nguyễn Đình Luân (2015) đánh giá việc tăng cường quyền tự chủ cho nhà trường thông qua mở rộng quy mô đào tạo, đa dạng các hình thức tuyển sinh, đổi mới cách thức xây dựng khung chương trình giáo dục, chủ động nguồn tài chính thu chi là một trong những nhân tố chính nhằm khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh giữa các trường đại học, từ đó phát triển chất lượng đào tạo nâng cao uy tín, hình ảnh và thương hiệu của các nhà trường.

Kinh nghiệm quốc tế chỉ ra rằng tự chủ đại học là một xu thế tất yếu, không thể tránh khỏi trong thời đại ngày nay và tự chủ chương trình đào tạo đại học là yếu tố tiên quyết đi đầu. Kinh nghiệm thực tiễn ở Nhật Bản chỉ ra rằng, đến năm 2004, 100% số lượng trường đại học công lập đổi sang hình thức tự chủ, thay đổi mô hình từ National University sang National University Corporation. Theo đó, các trường được quyền tự chủ trong các vấn đề như: sử dụng kinh phí phục vụ cho mục đích chỉ hoạt động thường xuyên, quyết định mức thu học phí, quyết định số lượng biên chế làm việc tại trường đại học, thành lập các khoa chuyên ngành và mở chương trình đào tạo mới. So với mô hình tự chủ tại Việt Nam, điểm khác biệt rõ ràng và lớn nhất đó là tại Nhật Bản, các trường đại học không được quyền tự chủ về chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo.

Tuy nhiên, tự chủ đại học cần được đặt trong cơ chế kiểm tra, giám sát nhất định.

Hoàng Thị Cẩm Thương (2017), đề nghị Bộ Giáo dục và đào tạo cần tạo ra cơ chế được thiết kế nhằm kiểm soát được quyền lực trong mỗi nhà trường, đồng thời tạo ra môi trường cạnh tranh công bằng cũng như không can thiệp quá sâu vào các công việc cụ thể của các nhà trường. Bên cạnh đó, cũng cần có những giải pháp để kiểm soát toàn bộ các hoạt động thực hiện theo quyền tự chủ, gắn với trách nhiệm cụ thể. Các trường đại học cần quy định những tiêu chuẩn, tiêu chí một cách chặt chẽ làm căn cứ đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ đã đề ra cũng như thực hiện việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thẩm quyền. Cùng cố thêm cho quan điểm trên, Hoàng Thị Xuân Hoa (2012) đã chỉ ra ví dụ tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Theo đó, để tăng quyền tự chủ, và nâng cao trách nhiệm xã hội ở các mặt hoạt động của các đơn vị thành viên và các đơn vị trực thuộc, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tiến hành phân cấp quản lý, đồng thời ban hành các văn bản hướng dẫn theo đặc điểm riêng của từng đơn vị cũng như bảo đảm sự chỉ đạo, xuyên suốt và thống nhất kết hợp với công tác kiểm tra giám sát. Bên cạnh đó, thúc đẩy việc phối hợp, liên kết toàn diện giữa các đơn vị trực thuộc nhằm mục đích phát huy hiệu quả các nguồn lực chung, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và, hiệu quả trong mọi hoạt động.

### **3. Thực trạng mở mới mã ngành, chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đào tạo công lập**

#### ***3.1. Cơ sở pháp lý về mở mới chương trình đào tạo, mã ngành đào tạo tại các trường đại học trước và sau tự chủ***

Trước năm 2014, Bộ Giáo dục và đào tạo luôn có xu hướng giữ quyền kiểm soát việc mở chương trình đào tạo/mã ngành đào tạo đối với tất cả các trường đại học. Cụ thể, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng khi cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các thông tư hướng dẫn (Bộ Giáo dục và đào tạo, 2011). Bên cạnh đó, Luật Giáo dục đại

học cũng chỉ cho phép hai trường đại học Quốc gia (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) và các trường đạt chuẩn quốc gia được tự chủ trong mở ngành. Đối với các cơ sở giáo dục còn lại, khi có nhu cầu mở ngành đào tạo mới, cần xây dựng chương trình ngành muốn mở, lập hồ sơ mở ngành để hội đồng khoa học nhà trường thông qua. Ngoài ra, Sở Giáo dục và đào tạo cần kiểm tra điều kiện thực tế về cơ sở vật chất, giảng viên và được tiến hành thẩm định bởi hội đồng chuyên môn. Một trong những yêu cầu khi mở ngành đào tạo trình độ đại học là phải có tối thiểu 5 giảng viên cơ hữu có bằng tiến sĩ, trong đó có ít nhất 1 giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học đúng ngành với ngành đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học.

Nguyên nhân chính dẫn đến sự kiểm soát của Bộ là nhằm đảm bảo sự cân đối ngành nghề, ngay từ khâu đào tạo, do nhiều ngành đã rơi vào trạng thái bão hòa, dư thừa nguồn lực đào tạo so với nhu cầu của xã hội. Do đó, Bộ Giáo dục và đào tạo cần đóng vai trò chỉ đạo, rà soát toàn bộ hệ thống, cảnh báo những ngành nào cần khuyến khích, tạo điều kiện để mở và những ngành nào không khuyến khích mở nữa.

Tuy nhiên, đến năm 2014, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP về việc thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017, theo đó, các cơ sở giáo dục đại học công lập được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, bao gồm cả việc mở ngành, chuyên ngành đào tạo dựa trên nhu cầu xã hội khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc xác định chỉ tiêu và tổ chức tuyển sinh theo quy định.

Trong năm 2018, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, nhằm khắc phục một số hạn chế, bất cập trước đây, là nút thắt cản phá giải quyết để thực hiện đổi mới căn

bản, toàn diện giáo dục bậc đại học, bao gồm cả việc tự chủ mở mã ngành, chuyên ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục bậc đại học. Theo đó, tất cả các cơ sở giáo dục đại học không phân biệt công lập, dân lập, nếu đạt điều kiện thực hiện quyền tự chủ theo quy định của luật và đảm bảo kiểm định chất lượng về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, cơ sở vật chất và chương trình đào tạo thì đều được tự chủ mở mã ngành đào tạo; trừ các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe, đào tạo giáo viên, và quốc phòng, an ninh. Những nội dung mới được đưa vào trong Luật như là: các trường đại học được quyền tự quyết định trong việc mở ngành, tuy nhiên điều kiện, yêu cầu để mở ngành cũng như tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng để được phép mở được quy định một cách chặt chẽ và nghiêm túc hơn. Ví dụ, cần phải căn cứ vào tình hình nhu cầu lao động của xã hội; khả năng, điều kiện của nhà trường (đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo)... làm tiêu chuẩn để mở các ngành đào tạo mới.

Ngoài ra, cần thành lập Hội đồng cấp trường để xem xét và đưa ra quyết định cho việc mở ngành mới. Quy định nêu rõ, thành viên trong hội đồng cần phải có tối thiểu 30% người hiện công tác ngoài trường; đó là các nhà quản lý, nhà hoạt động xã hội, nhà khoa học... Các thành viên hội đồng sẽ nghiên cứu, thẩm định việc nhu cầu việc làm của xã hội, các điều kiện để bảo đảm chất lượng đào tạo của trường, từ đó làm căn cứ xét duyệt mở ngành mới.

Thực tế cho thấy, thông qua khung hành lang pháp lý được ban hành và sửa đổi theo thời gian, việc tự chủ trong thực hiện mở ngành và chuyên ngành đào tạo đối với các cơ sở giáo dục bậc đại học là một vấn đề mang tính bức thiết nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, huy động mọi nguồn lực nhằm tập trung phát triển giáo dục đại học, đổi mới phương thức quản lý nhà nước, quản trị đại học và quản lý đào

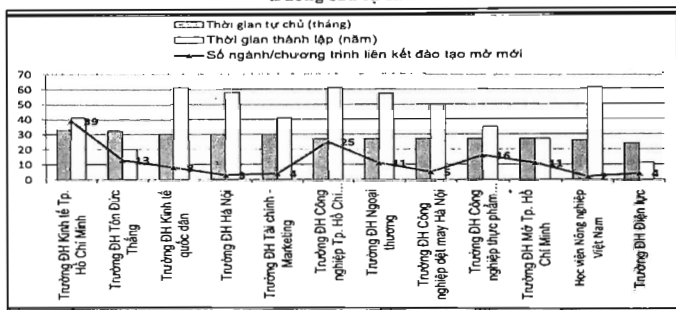
tạo; tiệm cận tiến dần đến các chuẩn quốc tế để phát triển giáo dục đại học nước nhà theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa; đồng thời tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học tự chủ cạnh tranh bình đẳng, phát huy nội lực, linh hoạt, sáng tạo để nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Từ đó đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, đủ điều kiện phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

### 3.2. Kết quả mở mới chương trình tại

### các cơ sở giáo dục đào tạo đại học

Dựa theo báo cáo và số liệu thống kê của các cơ sở giáo dục, kể từ khi bắt đầu chuyển đổi sang hình thức tự chủ, số ngành cũng như chương trình đào tạo mới (gồm cả chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình liên kết quốc tế) được triển khai thực hiện mở ở nhiều cấp học (đại học, sau đại học) tùy theo năng lực và định hướng phát triển của từng trường, phản ánh một gam màu tươi sáng trong bức tranh tổng thể giáo dục đại học ở nước ta.

HÌNH 1: Tình hình mở ngành đào tạo và phát triển chương trình mới của một số trường sau tự chủ



Nguồn: Bộ Giáo dục và đào tạo (2018).

Tuy nhiên, đối với một số trường tự chủ sau khi thực hiện việc mở ngành mới đã chủ động dừng đào tạo một số ngành không phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và đồng thời mở thêm các ngành đào tạo khác nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay. Theo điều tra nghiên cứu, hầu hết các trường mở nhiều ngành mới là các trường đã có thời gian tự chủ trên 1 năm. Theo nhóm nghiên cứu của Bộ Giáo dục và đào tạo trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của một số trường đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017, một số cơ sở giáo dục đại học mở nhiều ngành, chương trình liên kết đào tạo phải kể đến như:

Trường đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sau khi tự chủ mở thêm 39 ngành mới (bao gồm các chương trình tiên tiến, chất lượng cao), Trường đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, trong các năm vừa qua có thêm mới 25 chương trình, ngành đào tạo, Trường đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh bổ sung thêm 16 chương trình, ngành đào tạo; Trường đại học Tôn Đức Thắng đào tạo thêm 13 chương trình, ngành đào tạo mới và Trường đại học Ngoại thương mở mới 11 ngành, chương trình đào tạo, trong đó có 5 chương trình hợp tác quốc tế.

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến thực trạng mở ngành học mới tràn lan đó

là việc các thí sinh đang ký dự thi vào các trường đại học chưa thực sự hiểu rõ về ngành nghề trong tương lai, đang theo tâm lý “đám đông” lựa chọn những ngành “hot”. Khái niệm về ngành đào tạo “hot” hiện nay có thể được hiểu hoặc là thị trường lao động hiện nay thực sự có nhu cầu lớn đối với ngành, nghề nhất định hoặc cũng có thể là do sự tung hô nhất thời của các phương tiện truyền thông đối với một ngành, nghề nào đó. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng năng lực của bản thân, sở thích niềm đam mê với ngành nghề mới là những yếu tố cần được các thí sinh cân nhắc để lựa chọn trường học, ngành học phù hợp với bản thân mỗi thí sinh.

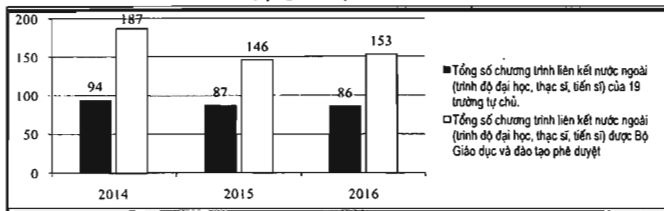
Năm 2017, Bộ Giáo dục và đào tạo đã ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học, theo đó số lượng ngành đào tạo hiện nay là 366, so với năm 2010 đã tăng thêm 40%. Cụ thể, tính từ năm 2010 trở lại đây, Bộ Giáo dục và đào tạo đã cho dừng tuyển sinh 101 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 161 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, đồng thời đã thu hồi quyết định đào tạo của 57 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 32 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ. Ngoài ra, Bộ Giáo dục và đào tạo cũng ban hành hình thức cảnh cáo dành cho 207 ngành và cấm tuyển sinh đối với khoảng 100 ngành đào tạo trình độ đại học do không đảm bảo chất lượng đào tạo.

Chính vì vậy, việc mở mới các ngành, chương trình đào tạo ở các trường được xem như là cách thức để nhà trường thu hút tuyển

sinh cũng như đáp ứng nhu cầu xã hội trong quá trình đào tạo nhưng cũng cần xem xét kỹ đến nhu cầu cần đáp ứng của thị trường lao động phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Các trường đại học cần đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo để từ đó có định hướng đúng đắn trong việc mở rộng quy mô ngành nghề đào tạo.

Mặt khác, các hình thức đào tạo tiên tiến, đào tạo chất lượng cao, đào tạo liên kết quốc tế hiện nay cũng được các trường quan tâm và đẩy mạnh thực hiện. Nhóm nghiên cứu của Bộ Giáo dục và đào tạo khi đánh giá việc thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của một số trường đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017 đã chỉ ra ví dụ: Trường đại học Tôn Đức Thắng mở mới 8 chương trình liên kết quốc tế và Trường đại học Ngoại thương đào tạo 5 chương trình liên kết. Đánh giá chung cho thấy các trường đại học tổ chức thí điểm việc tự chủ đã chủ động và có thể mạnh trong việc triển khai thực hiện các chương trình đào tạo liên kết nước ngoài. Báo cáo tổng hợp của nhóm nghiên cứu cũng cho thấy tỷ lệ chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài của các trường đại học tự chủ trong tổng số các chương trình đào tạo liên kết quốc tế được Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt hàng năm tăng từ 50% năm 2014 lên đến 56% trong năm 2016, và tỷ lệ trung bình trong giai đoạn từ 2014 đến 2016 là 55%.

HÌNH 2: Các chương trình liên kết nước ngoài được Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt giai đoạn 2014-2016



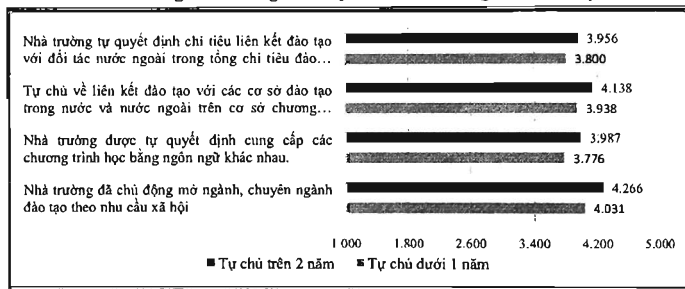
Nguồn: Bộ Giáo dục và đào tạo (2018).

Bên cạnh việc mở thêm các ngành đào tạo mới cũng như phát triển các chương trình liên kết đào tạo ở trong và ngoài nước, các trường cũng tích cực chủ động thay đổi, nâng cao nội dung chương trình đào tạo cũng như cập nhật các phương pháp giảng dạy tiên tiến, để từ đó dần tiếp cận với chuẩn đào tạo và chương trình đào tạo quốc tế. Ngoài ra, các trường cũng tập trung tăng cường công tác đảm bảo chất lượng và chú ý đến việc thực hiện hoặc đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục. Một số trường đã tiến hành kiểm định chất lượng giáo dục và chương trình đào tạo bởi các tổ chức quốc tế uy tín, điển hình như Trường đại học FPT đăng ký

tổ chức kiểm định và đánh giá giáo dục bởi tổ chức Quacquarelli Symonds (QS) – Vương quốc Anh.

Dựa trên đánh giá của các chuyên gia giáo dục, điểm mạnh lớn nhất liên quan tới việc tự chủ đào tạo là cho phép các trường chủ động mở ngành và chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, các trường vì muốn dẫn khẳng định được uy tín nên thường tập trung vào việc mở các ngành và chương trình đào tạo mà trường có khả năng đào tạo tốt nhất, cũng như đáp ứng được hiệu quả nhu cầu xã hội về thị trường lao động ngành nghề, lĩnh vực trong tương lai.

HÌNH 3: Đánh giá về mở ngành và phát triển chương trình đào tạo mới



Nguồn: Bộ Giáo dục và đào tạo (2018).

### 3.3. Thảo luận, đánh giá thành tựu, hạn chế của hoạt động mở mới mã ngành đối với các đơn vị công tự chủ

#### 3.3.1. Ưu điểm trong thực hiện mở ngành và chuyên ngành đào tạo đối với các đơn vị công tự chủ

Tự chủ trong việc thực hiện mở ngành đào tạo hay chuyên ngành đào tạo là một trong những nội dung nổi bật của hoạt động tự chủ. Đối với các trường đại học thực hiện tự chủ, các thủ tục hành chính được giảm bớt, thời gian mở mã ngành nhanh chóng, đảm bảo bắt kịp với nhu cầu của thị trường, giúp các trường chủ động trong đào tạo và kịp thời bổ

sung nguồn nhân lực cần thiết cho xã hội. Việc tự chủ trong mở chương trình đào tạo, ngành đào tạo mang tới một số lợi ích cụ thể như sau:

#### u. Tăng trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đào tạo

Một trong những nội dung được lưu tâm trong đề án tự chủ đại học đó là tiêu chí quy định về quy mô sinh viên chính quy tối đa của cơ sở giáo dục đại học sẽ được bãi bỏ, thay vào đó, các trường sẽ tiến hành tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình trong việc xác định và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Đây là xem như là một điểm mới rất

mở nhằm tạo điều kiện chủ động tối đa cho các nhà trường trong việc hoạch định và phát triển kế hoạch đào tạo. Tuy nhiên, đi cùng với việc “mở” trong xác định chỉ tiêu cũng sẽ gắn liền với công tác kiểm định chất lượng trong từng trường. Các trường cần phải đảm bảo điều kiện và các tiêu chí theo các quy định của pháp luật, đồng thời khi thông báo mở ngành và tiến hành tuyển sinh phải công bố công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội và cơ quan có thẩm quyền.

Cần nhìn nhận rằng, mấu chốt của vấn đề tự chủ đại học đó là sự công khai, minh bạch thông tin gắn liền với trách nhiệm giải trình. Khi thông tin được minh bạch thì trách nhiệm giải trình cũng sẽ được thực hiện một cách dễ dàng và hiệu quả hơn. Thông qua thực tế việc triển khai thí điểm tự chủ của một số trường đại học có thể thấy cả hai nội dung nêu trên đều chưa được bảo đảm. Việc các thông tin được công bố minh bạch còn góp phần giúp điều chỉnh các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo đảm bảo vừa phù hợp với tình hình, điều kiện Việt Nam đồng thời tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế.

Bên cạnh đó, theo Hiệp hội các trường đại học Châu Âu (EUA), việc mở ngành đào tạo nằm trong lĩnh vực tự chủ học thuật là một trong bốn lĩnh vực tự chủ trong trường đại học. Các trường đại học được giao thí điểm tự chủ cần có nhận thức đầy đủ về vấn đề tự chủ đại học, đồng thời có những giải pháp quyết liệt trong việc chuẩn bị các điều kiện để thực hiện, bảo đảm năng lực giải trình, quản trị... Các trường đại học cần nêu cao trách nhiệm để từ đó xác định rõ thực hiện tự chủ nhằm cải cách giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo.

### *b. Rút gọn quy trình, thủ tục mở mã ngành, chương trình đào tạo.*

Một trong những ưu điểm của việc giao cho các cơ sở giáo dục đại học được tự chủ trong việc thực hiện mở ngành và chuyên ngành đào tạo đó là giảm bớt các quy trình, thủ tục đã không còn phù hợp trong bối cảnh tình hình

xã hội hiện nay. Trước khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 được ra đời, khi các trường đủ điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo mới, cần phải chuẩn bị khối lượng hồ sơ lớn để trình Bộ Giáo dục và đào tạo cùng các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, thực trạng đó làm bộc lộ ra việc một số quy định chưa rõ ràng và có phần chồng chéo, làm hạn chế sự phát triển đào tạo của các trường, dẫn đến việc đào tạo của các cơ sở giáo dục không bắt kịp theo xu thế của xã hội. Do đó, sau khi hệ thống luật pháp, các văn bản pháp lý quy định về tự chủ đại học trong đó có việc tự chủ mới các ngành, chuyên ngành đào tạo được hoàn thiện và đồng bộ giúp cho quy trình, thủ tục xin mở mới các ngành, chuyên ngành đào tạo được tinh giản một cách hiệu quả, nhằm thúc đẩy sự phát triển đào tạo của các trường đại học.

### *c. Đẩy mạnh các chương trình liên kết, hợp tác quốc tế*

Thông qua tự chủ trong việc mở các ngành, chuyên ngành đào tạo cũng mở ra cơ hội mới cho các trường đại học trong nước dần tiếp cận với các chương trình giáo dục tiên tiến của nước ngoài, từ đó đẩy mạnh trao đổi, giao lưu, phát triển các chương trình đào tạo liên kết hoặc hợp tác quốc tế. Thực tế cho thấy, các chương trình đào tạo liên kết quốc tế của các trường đại học không chỉ cung cấp những ngành học mới để phục vụ cho sự phát triển của đất nước, mà còn tác động rất lớn đến nền giáo dục đại học trong nước. Cụ thể, chương trình học, giảng dạy của các trường đại học đã từng bước hiện đại hóa, cập nhật các chương trình giảng dạy tiên tiến của nước ngoài. Mặt khác, việc tự chủ mở ngành, chuyên ngành đào tạo của các trường đại học dẫn đến sự phát triển của các chương trình đào tạo liên kết quốc tế mang lại nhiều cơ hội cho người học không chỉ tiết kiệm được thời gian hay chi phí học tập ở nước ngoài, mà còn được tiếp cận với các chương trình học tiến bộ để hội nhập quốc tế. Ví dụ, để đảm bảo chi phí học tập tại một số nước như Pháp, Hoa Kỳ...



mỗi sinh viên cần phải tốn ít nhất từ 20.000 đến 30.000 USD mỗi năm; tuy nhiên, nếu lựa chọn học tại Việt Nam chỉ khoảng từ 5.000 đến 10.000 USD cho cả khóa học kéo dài hai năm. Những lợi thế của các chương trình liên kết đào tạo, hợp tác quốc tế thông qua việc cho phép các trường đại học tự chủ mở ngành, chuyên ngành đào tạo giúp thay đổi bức tranh về ngành giáo dục Việt Nam, làm cho quá trình hội nhập quốc tế của giáo dục Việt Nam trở nên sôi động hơn bao giờ hết.

### *d. Thay đổi nội dung, phương pháp giảng dạy tiên tiến*

Như đã đề cập ở trên, việc tự chủ của các trường đại học cho phép liên kết đào tạo giúp nâng cao phương pháp giảng dạy đồng thời đó là một xu thế tất yếu của giáo dục hiện đại. Không chỉ với việc liên kết với các tổ chức giáo dục nước ngoài mà hiện nay, các trường đại học trong nước cũng bắt đầu chủ động thúc đẩy hợp tác toàn diện, nhằm phát huy sức mạnh liên kết trong hệ thống đại học nhằm chia sẻ nguồn lực, phát huy những lợi thế sẵn có để cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công tác giảng dạy. Một ví dụ tiêu biểu đó là các đơn vị thành viên của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh gồm Đại học Quốc tế (HCMIU), Đại học Công nghệ thông tin (CNTT) đã thỏa thuận hợp tác xây dựng các chương trình đào tạo mới với mục đích tối ưu nguồn lực của các bên và mục tiêu cốt lõi đó là tăng cường sức mạnh hệ thống của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Cụ thể, Đại học Công nghệ thông tin có thế mạnh về đào tạo nhân lực ngành công nghệ thông tin có trình độ cao, trong khi đó Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh lại được trang bị một hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cùng kinh nghiệm xây dựng các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh qua nhiều năm. Từ đó, hai trường sẽ cùng nhau phối hợp xây dựng và đào tạo bậc cử nhân của chương trình khoa học dữ liệu. Thông qua đó, các nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy được bổ sung và nâng cấp nhằm mang đến chất lượng đào tạo tốt nhất cho người học.

### *e. Đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của xã hội*

Việc cho phép các trường đại học được tự chủ trong việc mở ngành, chuyên ngành cũng giúp cho quá trình đào tạo của các trường bám sát hơn với thực tế nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực đối với từng lĩnh vực. Ngày nay, thị trường lao động luôn luôn có sự biến động, ngày càng có thêm nhiều ngành nghề mới được ra đời đòi hỏi công tác về dự báo nhu cầu việc làm của xã hội còn cần được đưa ra một cách chính xác về nhu cầu nhân lực. Các trường đại học dựa trên các khảo sát nghiên cứu khi được phép tự chủ mở các ngành, chuyên ngành đào tạo sẽ đáp ứng kịp thời các nhu cầu về lao động của xã hội trong từng giai đoạn thời kỳ khác nhau.

### *3.3.2. Một số tồn tại trong thực hiện mở ngành và chuyên ngành đào tạo đối với các đơn vị công tự chủ*

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật trong việc cho phép các trường tự chủ với vấn đề mở các ngành, chuyên ngành đào tạo mới, thì cũng nảy sinh một số tồn tại cần được khắc phục trong tương lai, diễn hình như sau:

#### *a. Ngành mở ở ạt*

Sự gia tăng về số lượng ngành đào tạo đôi khi lại chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng, cơ cấu đào tạo của một số trường đại học chưa thực sự căn cứ vào nhu cầu thực tiễn, nên chưa phù hợp với nhu cầu cơ cấu lao động. Việc mở rộng quy mô các trường và ngành/chuyên ngành đào tạo đôi khi lại xuất phát từ mục đích thương mại hóa giáo dục hay từ sự yếu kém trong quản lý, tự chủ về tài chính. Cơ chế tự chủ trong tài chính khiến việc mở rộng về quy mô đào tạo nhiều khi chỉ nhằm có thêm nguồn tài chính đảm bảo hoạt động của các cơ sở giáo dục. Bởi khi tăng số lượng ngành đào tạo đồng nghĩa với việc tăng số lượng giảng viên, sinh viên mà ít chú ý tới nhu cầu thực tế đòi hỏi của xã hội, cũng như thị trường lao động. Hệ quả tất yếu là một bộ phận sinh viên sau khi

tốt nghiệp không chỉ gặp khó khăn khi tìm việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo, mà còn khó tìm việc làm khác, dẫn đến sự lãng phí nguồn nhân lực cho phát triển xã hội.

### *b. Một số ngành có tuổi thọ ngắn, không phù hợp với thị trường*

Thực tế diễn ra trong xã hội cho thấy, một số ngành nghề hiện nay chỉ thu hút được nhân lực lao động ở một giai đoạn, thời điểm nhất định và sau đó thoái trào. Vì vậy, khi các trường đại học được quyền tự chủ mở ngành, chuyên ngành đào tạo mới cần xem xét đến tương lai phát triển của ngành nghề đó, từ đó đặt ra mục tiêu đào tạo ổn định, lâu dài, cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có chất lượng cao, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

### *c. Cơ sở đào tạo không đáp ứng được nhu cầu cơ sở vật chất*

Một trong những vấn đề nhức nhối hiện nay đó là, một số cơ sở giáo dục khi mở các ngành, chuyên ngành đào tạo mới không đảm bảo đủ các điều kiện về cơ sở vật chất để tiến hành đào tạo. Tình trạng trên xuất phát từ việc cho phép, kiểm định các điều kiện để mở mới các ngành, chuyên ngành tại một số trường đại học có phần buông lỏng, chưa được chặt chẽ. Điều này dẫn đến chất lượng giảng dạy không được đảm bảo, ảnh hưởng lớn tới tinh độ và kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

### *d. Cơ sở đào tạo không đảm bảo được chỉ tiêu đầu ra*

Bên cạnh những thiếu sót được nêu ở trên, việc tự chủ mở mới các ngành, chuyên ngành đào tạo còn tồn tại việc một số trường đại học chưa đảm bảo được các yêu cầu, chỉ tiêu đầu ra. Một số trường mới chỉ tập trung mở rộng quy mô đào tạo chứ chưa chú ý đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy, dẫn đến chuẩn đầu ra của một số trường chưa đủ điều kiện để đáp ứng được nhu cầu cấp thiết về nguồn lao động của xã hội trong bối cảnh hiện nay.

## 4. Kết luận và một số khuyến nghị, giải pháp

Dựa trên những phân tích và đánh giá về những mặt thuận lợi cũng như hạn chế của việc tự chủ mở ngành, chuyên ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, đòi hỏi cần có những giải pháp nhằm phát huy tối đa hiệu quả của chủ trương, mô hình tự chủ trong các trường đại học.

Để tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học, chúng ta cần thực hiện một số các giải pháp ví mô như là: sau khi Chính phủ ban hành Nghị định về trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các trường đại học, cao đẳng, các bộ chủ quản hoặc Ủy ban Nhân dân các cấp cần có các thông tư hướng dẫn rõ ràng, khả thi, chuẩn xác, đúng đối tượng. Ngoài ra, Quốc hội cần tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung nội dung của Luật Giáo dục đại học nhằm thể hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về giáo dục đại học Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, cần rà soát lại các văn bản pháp quy hiện hành có liên quan đến quản lý hoạt động của các trường đại học và ban hành quy định về chi trả cải biên, nội dung quản lý công tác đào tạo, tài chính, nhân sự... trong các trường đại học; đồng thời xây dựng tiêu chí và mức độ quan hệ giữa quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các trường đại học.

Để tăng hiệu quả của tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm xã hội trong tổ chức, cơ sở giáo dục đào tạo thì bộ máy quản lý của các trường cần phải tiếp tục được tái cơ cấu, hoàn thiện, đồng thời có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng giữa các đơn vị.

Nhằm hoàn thiện các quy định, quy trình liên quan đến phân cấp, quản lý đào tạo để tiếp nhận và thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm hoàn toàn trong tổ chức đào tạo, các trường đại học cần triển khai các nội dung cụ thể như sau:

Tạo hành lang pháp lý để căn cứ vào các điều kiện bảo đảm chất lượng, các nhà trường được Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo theo một chỉ tiêu đào tạo và giữ ổn định.

Các trường cần căn cứ vào đặc điểm của mình để có trách nhiệm xây dựng chương trình đào tạo theo khung chương trình quy định, vừa đảm bảo chất lượng trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo, vừa thể hiện được thế mạnh chuyên môn của từng trường. Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư để mở các ngành theo hướng đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, đảm bảo nội dung chương trình theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, tiếp cận chương trình một số trường đại học quốc tế.

Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị giáo dục đại học công lập là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với chủ trương, đường lối mở cửa hội nhập của Đảng và Nhà nước. Việc giao quyền làm chủ cho hệ thống giáo dục đại học nhằm mục tiêu để các trường hoạt động một cách có hiệu quả và đáp ứng tốt nhất những đòi hỏi của xã hội./

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Hiến (2001), *Từ điển Giáo dục học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2011), Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17-2-2011 về Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng.
3. Bộ Giáo dục và đào tạo, (2017) Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.
4. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), Báo cáo: Kết quả đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết 77/NQ-CP về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017.
5. Đại học FPT có mặt trong bảng xếp hạng đại học thế giới. Cổng thông tin ứ chức giáo dục FPT. <URL: <http://fpt.edu.vn/tin-tuc/998/dh-fpt-co-mat-trong-bang-xep-hang-dh-the-gioi>>
6. Hiệp hội quốc tế các Đại học (IAU), Tuyên bố về tự do học thuật, tự chủ đại học và trách nhiệm xã hội.
7. Hoàng Thị Cẩm Thương (2017), *Giải pháp tăng cường tự chủ Đại học ở Việt Nam*. <URL: <http://www.vjol.info/index.php/TC/article/viewFile/30747/26133>>
8. Hoàng Thị Xuân Hoa (2012), Tự chủ đại học: xu thế của phát triển. *Tạp chí Đại học Quốc gia Hà Nội* (253).

<URL: <https://vnu.edu.vn/btdhghn/?C2145/N12636/Tu-chu-dai-hoc-Xu-the-cua-phat-trien.htm>>

9. Hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực - Bài 1: Tác động tích cực đến giáo dục đại học. Cổng thông tin Giáo dục Online. <URL: <https://gdo.edu.vn/detail/3190>>

10. Luật Giáo dục đại học sửa đổi, số 34/2018/QH14, ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2019.

11. Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 24-10-2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 — 2017, Bộ Giáo dục và đào tạo.

12. Nguyễn Đình Đức (2018), *Tự chủ đại học: bài học kinh nghiệm từ Nhật Bản*. <URL: <https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/tu-chu-dai-hoc-bai-hoc-kinh-nghiem-tu-nhat-ban-20181025083057569.htm>>

13. Nguyễn Đình Luận (2015), Sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam: thực trạng và khuyến nghị, *Tạp chí Phát triển và hội nhập*. <URL: <https://www.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2015-05-06-202/12-so-22.pdf>>

14. Phạm Đỗ Nhật Tiến (1997), *Bản khuyến nghị về vị thế giảng viên đại học*, Đại hội đồng UNESCO.

15. *Phát huy sức mạnh liên kết giữa các trường đại học*, Cổng thông tin Quý Phát triển, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh. <URL: <http://vnu-f.vnuhcm.edu.vn/tin-tuc/phat-huy-suc-manh-lien-ket-giua-cac-truong-dai-hoc/3536366864html>>

16. *Tham luận hội thảo lấy ý kiến về việc xây dựng Luật Giáo dục đại học*, Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội. <URL: <http://vietbao.vn/Giao-duc/3-rao-can-can-xoa-bo-cho-tu-chu-dai-hoc/65222235/204/>>

17. *Trường đại học mở ngành học mới: Bất tay với thị trường lao động*, Cổng thông tin Bộ Giáo dục và đào tạo. <URL: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-dai-hoc/Pages/default.aspx?ItemID=4927>>

18. Trần Sông Thương (2018), Tự chủ tài chính trong giáo dục đại học và một số vấn đề đặt ra, *Tạp chí Tài chính*. <URL: <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/tu-chu-tai-chinh-giao-duc-dai-hoc-va-mot-so-van-de-dat-ra-301206.html>>

19. Vũ Hải Quân, (2018), *Mô hình giáo dục 4.0 áp dụng, triển khai trong điều kiện tại Việt Nam*. <URL: <https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/dai-hoc-dang-tu-troi-minh-ve-chuong-trinh-hinh-thuc-dao-tao-2018110515418267.htm>>

20. Wenling T. (1993), *Planning for effective training. A guide to curriculum development*, FAO, Rome (Italy).

Ngày nhận bài: 14-01-2019

Ngày nhận bản sửa: 30-01-2019

Ngày duyệt đăng: 15-02-2019